

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.10/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm:

Nước máy (Điểm đầu) - Nhà máy nước Tân An, thành phố Cao Bằng.  
08.25.071.10.MG  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
Không lưu  
18/08/2025  
18/08/2025  
19/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,88                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,16                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,7                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.11/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu
- Ngày nhận mẫu
- Thời gian thử nghiệm
- Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm giữa) - Nhà máy nước Tân An, thành phố Cao Bằng.  
08.25.071.11.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.

Không lưu

18/08/2025

18/08/2025

19/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,90                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,26                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,7                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Điền Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.12/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm:

Nước máy (Điểm cuối) - Nhà máy nước Tân An, thành phố Cao Bằng.  
**08.25.071.12.MG**  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml  
Không lưu  
18/08/2025  
18/08/2025  
19/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,96                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,25                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.13/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Nhà máy nước Sông Bằng, thành phố Cao Bằng.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.13.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,90                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,25                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Triệu Nguyệt Hoa*

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu "+" là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

Số: 071.14/PKN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu:

2. Mã số mẫu:

3. Mô tả mẫu:

4. Thời gian lưu mẫu:

5. Ngày lấy mẫu

6. Ngày nhận mẫu

7. Thời gian thử nghiệm

8. Nơi gửi mẫu

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) - Nhà máy nước Sông Bằng, thành phố Cao Bằng.

08.25.071.14.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.

Không lưu

18/08/2025

18/08/2025

19/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,94                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,07                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Thieu Nguyet Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.15/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:

Nước máy (Điểm cuối) - Nhà máy nước Sông Bằng, thành phố Cao Bằng.

2. Mã số mẫu:

08.25.071.15.MG

3. Mô tả mẫu:

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml

4. Thời gian lưu mẫu:

Không lưu

5. Ngày lấy mẫu

18/08/2025

6. Ngày nhận mẫu

18/08/2025

7. Thời gian thử nghiệm

19/08/2025 – 04/09/2025

8. Nơi gửi mẫu

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

9. Tài liệu kèm theo:

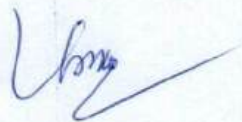
Biên bản lấy mẫu nước.

10. Kết quả thử nghiệm

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCPĐ 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,96                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,16                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ





Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số:072.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Quảng Uyên.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.01.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng. VILAS 747  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,74                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,55                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,88                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,7                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KIỂM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*[Signature]*  
Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu "+" là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

Số: 072.02/PKN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Quảng Uyên.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.02.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,70                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,52                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 1,09                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,7                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Lục Thị Hương**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Triệu Nguyệt Hoa*

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Quảng Uyên.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.03.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,68                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,58                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,72                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Triệu Nguyệt Hoa*

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Trùng Khánh.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.01.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,50                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,14                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD = 0,001)        | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Trùng Khánh.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.02.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,46                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,16                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD = 0,001)        | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*[Signature]*  
Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Trùng Khánh.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.03.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,35                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,15                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD = 0,001)        | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lieu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.04/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Thông Nông.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.04.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,90                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,84                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 3,02                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD= 0,001)         | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

Số: 072.05/PKN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu:  
2. Mã số mẫu:  
3. Mô tả mẫu:  
4. Thời gian lưu mẫu:  
5. Ngày lấy mẫu:  
6. Ngày nhận mẫu:  
7. Thời gian thử nghiệm:  
8. Nơi gửi mẫu:  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Thông Nông.  
**08.25.072.05.MG**  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
Không lưu  
19/08/2025  
19/08/2025  
20/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,93                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,79                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 2,47                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,4                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD= 0,001)         | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Lục Thị Hương**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**KI. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.06/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Thông Nông.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.06.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,97                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,74                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 3,36                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,4                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD= 0,001)         | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KI. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.10/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Xuân Hòa.  
08.25.072.10.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml

Không lưu

19/08/2025

19/08/2025

20/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCPĐ 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,88                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,18                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.11/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu
- Ngày nhận mẫu
- Thời gian thử nghiệm
- Nơi gửi mẫu
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Xuân Hòa.  
08.25.072.11.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.

Không lưu

19/08/2025

19/08/2025

20/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,93                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,21                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.12/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Xuân Hòa.  
2. Mã số mẫu: 08.25.072.12.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 19/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 19/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCPĐ 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,95                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,32                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*Triệu Nguyệt Hoa*

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 072.07/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu
- Ngày nhận mẫu
- Thời gian thử nghiệm
- Nơi gửi mẫu
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Đông Khê.  
**08.25.072.07.MG**  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
Không lưu  
19/08/2025  
19/08/2025  
20/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng,  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,59                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,72                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,85                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD=0,001)          | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



*[Signature]*  
Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

Số: 072.08/PKN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu:  
2. Mã số mẫu:  
3. Mô tả mẫu:  
4. Thời gian lưu mẫu:  
5. Ngày lấy mẫu:  
6. Ngày nhận mẫu:  
7. Thời gian thử nghiệm:  
8. Nơi gửi mẫu:  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Đông Khê.  
**08.25.072.08.MG**  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
Không lưu  
19/08/2025  
19/08/2025  
20/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,75                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,69                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,51                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD=0,001)          | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Lục Thị Hương**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Diem Nguyệt Hoa**

**Ghi chú:**  
1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).  
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;  
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.  
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;  
6. Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.  
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.  
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.  
**BM 7.8.01                      Lần ban hành: 3                      Ngày sửa đổi:                      Trang: 1/1**

**Số: 072.09/PKN-KSBT**

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu:  
2. Mã số mẫu:  
3. Mô tả mẫu:  
4. Thời gian lưu mẫu:  
5. Ngày lấy mẫu:  
6. Ngày nhận mẫu:  
7. Thời gian thử nghiệm:  
8. Nơi gửi mẫu:  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Đông Khê.  
**08.25.072.09.MG**  
Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
Không lưu  
19/08/2025  
19/08/2025  
20/08/2025 – 04/09/2025  
Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,62                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,67                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,50                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Asen*                             | SMEWW3113B           | mg/l        | KPH (LOD= 0,001)         | 0,01                            |
| 10.7 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.8 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Lục Thị Hương**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**



**Triệu Nguyệt Hoa**

*Ghi chú:*

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.07/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhật.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.07.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,77                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,26                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,30                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trieu Nguyet Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.08/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm:

Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhật.  
08.25.071.08.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml

Không lưu

18/08/2025

18/08/2025

19/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCBP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 8,02                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,87                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 8,18                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trieu Nguyet Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
  - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
  - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
  - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
  - Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
  - Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
  - Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
  - Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.
- BM 7.8.01      Lần ban hành: 3      Ngày sửa đổi:      Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.09/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm:

Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Thanh Nhặt.  
08.25.071.09.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.

Không lưu

18/08/2025

18/08/2025

19/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,84                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,31                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 4,06                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,4                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.04/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Nguyên Bình.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.04.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 8,05                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,33                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 5,67                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,6                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 071.05/PKN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

1. Tên mẫu: **Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Nguyên Bình.**  
2. Mã số mẫu: **08.25.071.05.MG**  
3. Mô tả mẫu: **Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.**  
4. Thời gian lưu mẫu: **Không lưu**  
5. Ngày lấy mẫu: **18/08/2025**  
6. Ngày nhận mẫu: **18/08/2025**  
7. Thời gian thử nghiệm: **19/08/2025 – 04/09/2025**  
8. Nơi gửi mẫu: **Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.**  
**Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.**  
9. Tài liệu kèm theo: **Biên bản lấy mẫu nước.**  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 8,10                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,44                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 4,81                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

**TRƯỞNG KHOA**

**Lục Thị Hương**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



*Triệu Nguyệt Hoa*

**Ghi chú:**

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 071.06/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Nguyên Bình.  
2. Mã số mẫu: 08.25.071.06.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 18/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 18/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 19/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 8,0                      | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,38                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 3,74                     | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 073.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu
- Ngày nhận mẫu
- Thời gian thử nghiệm
- Nơi gửi mẫu
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm đầu) - Tổ quản lý nước thị trấn Nước Hai.

08.25.073.01.MG

Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.

Không lưu

20/08/2025

20/08/2025

20/08/2025 – 04/09/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,89                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,39                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,5                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trieu Nguyet Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 073.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) - Tổ quản lý nước thị trấn Nước Hai.  
2. Mã số mẫu: 08.25.073.02.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml.  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 20/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu nước.  
10. Kết quả thử nghiệm



| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,78                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,36                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,4                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

*[Signature]*

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



*[Signature]*  
Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173  
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 073.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) - Tổ quản lý nước thị trấn Nước Hai.  
2. Mã số mẫu: 08.25.073.03.MG  
3. Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai thủy tinh 500ml  
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu  
5. Ngày lấy mẫu: 20/08/2025  
6. Ngày nhận mẫu: 20/08/2025  
7. Thời gian thử nghiệm: 20/08/2025 – 04/09/2025  
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước tỉnh Cao Bằng.  
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.  
Biên bản lấy mẫu nước.  
9. Tài liệu kèm theo:  
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

| STT  | CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                | PHƯƠNG PHÁP THỬ      | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ                  | GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB |
|------|-----------------------------------|----------------------|-------------|--------------------------|---------------------------------|
| 10.1 | Mùi vị                            | Cảm quan             | -           | Mẫu không có mùi, vị lạ. | Không có mùi, vị lạ.            |
| 10.2 | pH*                               | TCVN 6492:2011       | -           | 7,68                     | Trong khoảng 6,0 - 8,5          |
| 10.3 | Độ đục*                           | Đo trên máy HI 98703 | NTU         | 0,35                     | 2                               |
| 10.4 | Màu sắc                           | TCVN 6185:2015       | TCU         | 0,0                      | 15                              |
| 10.5 | HL Clo dư                         | Máy UV - VIS         | mg/l        | 0,4                      | Trong khoảng 0,2 - 1,0          |
| 10.6 | Coliforms TS*                     | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 3                             |
| 10.7 | E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt* | TCVN 6187-1:2019     | CFU/100ml   | KPH                      | < 1                             |

Cao Bằng, Ngày 04 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Triệu Nguyệt Hoa

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu \* là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 1/1